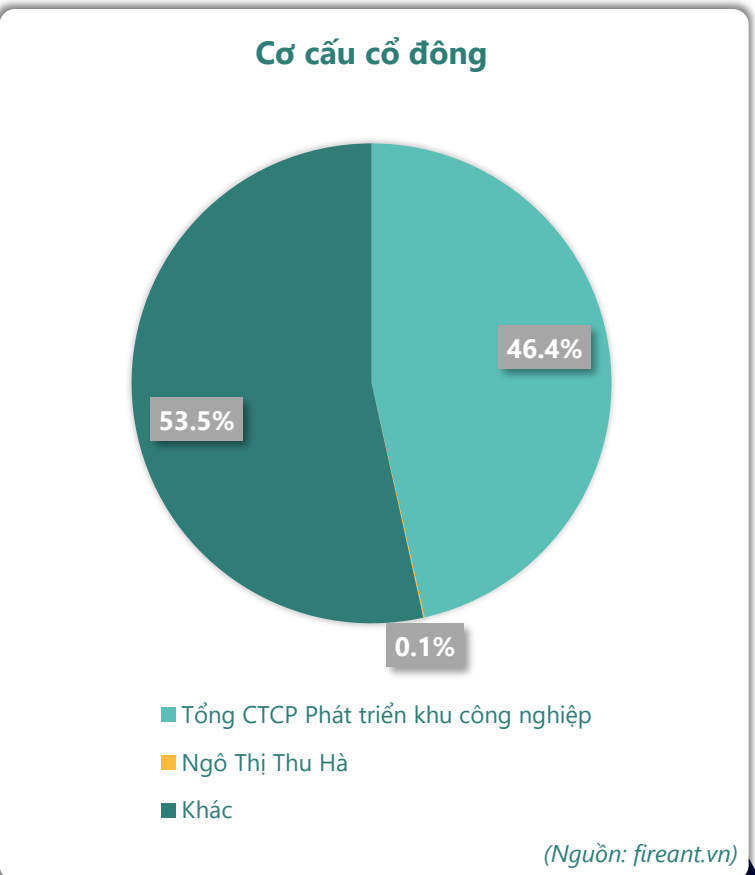
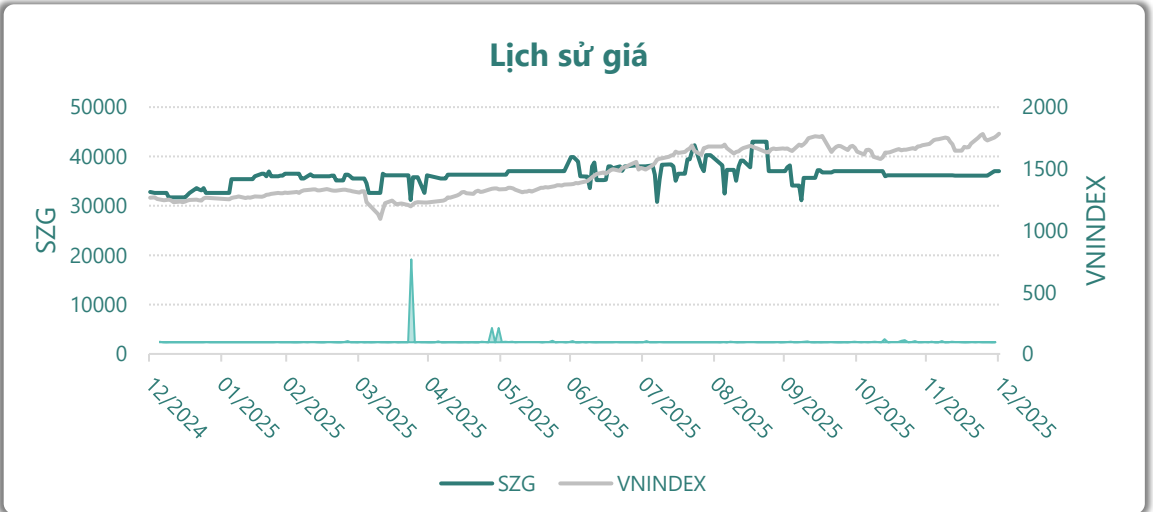
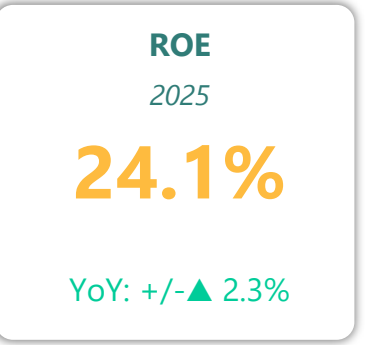
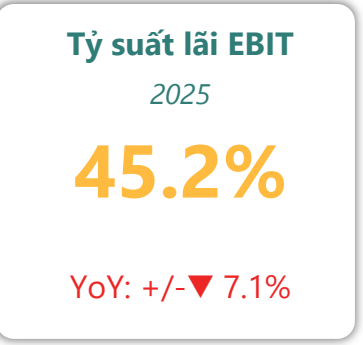
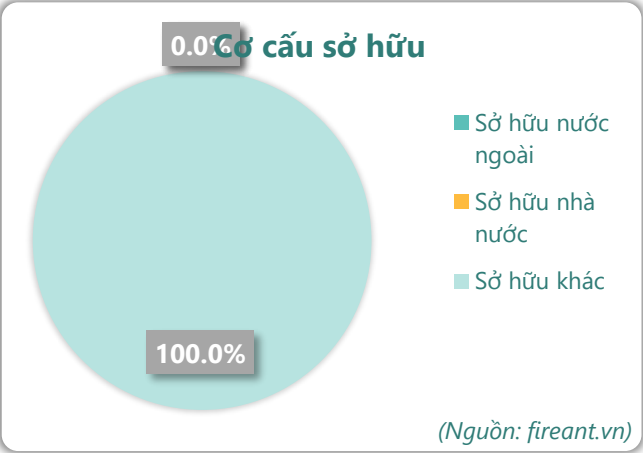


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

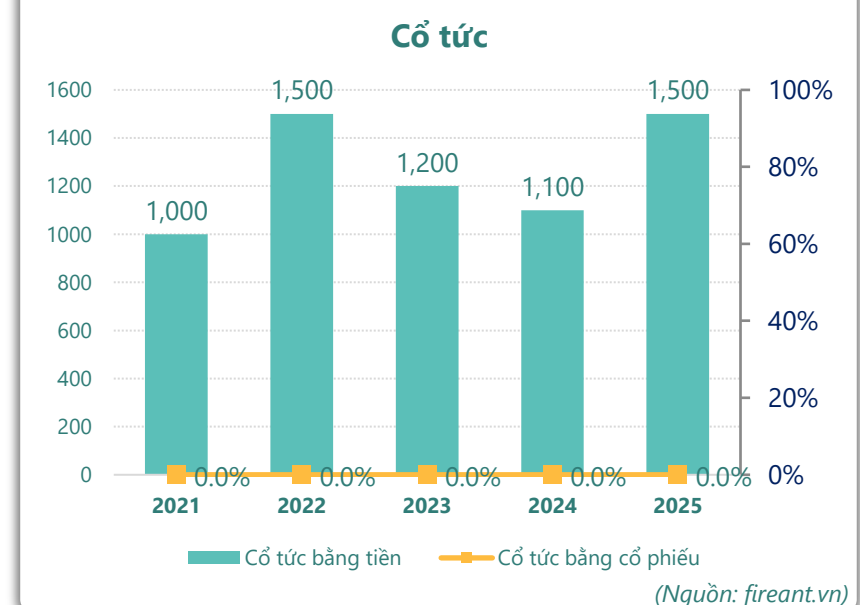
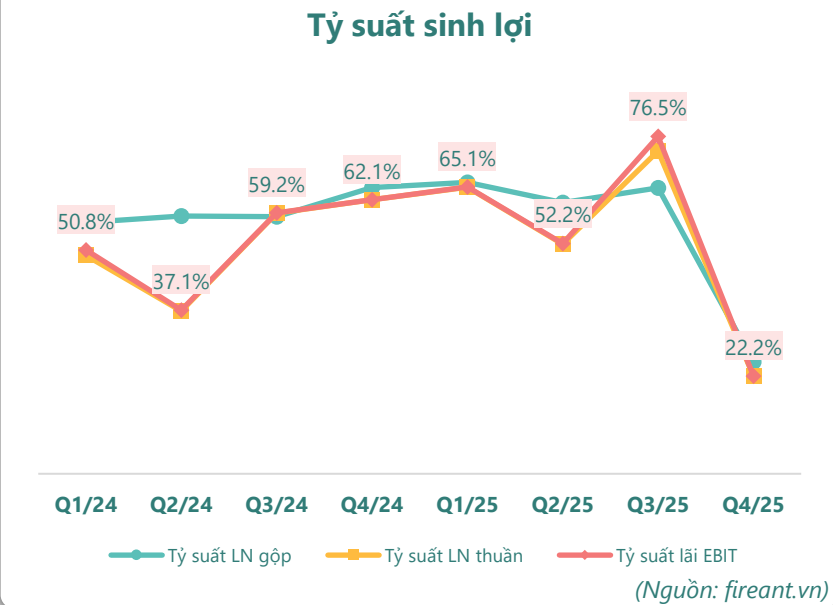
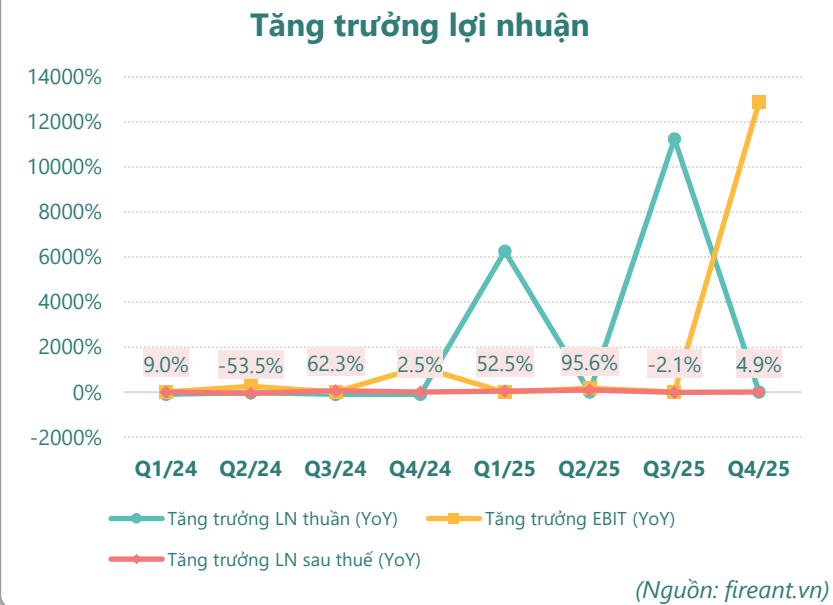
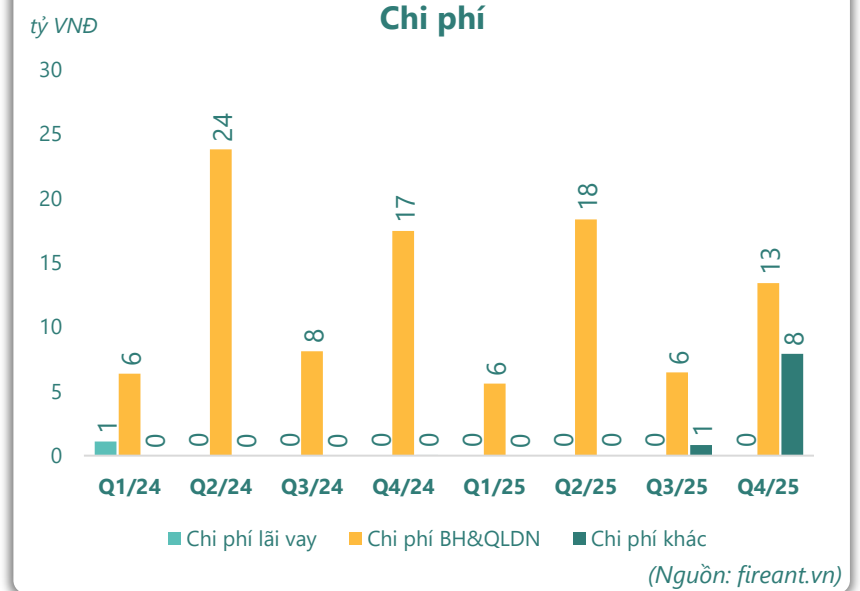
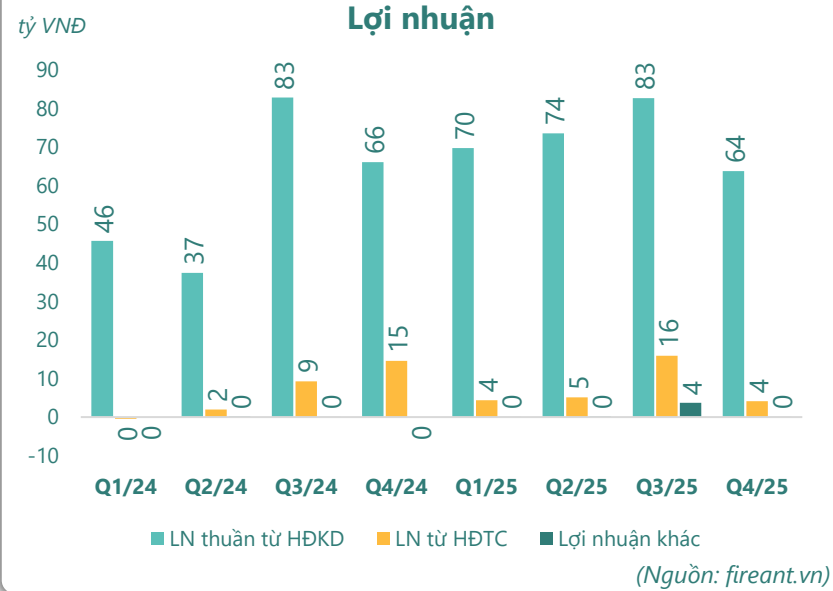
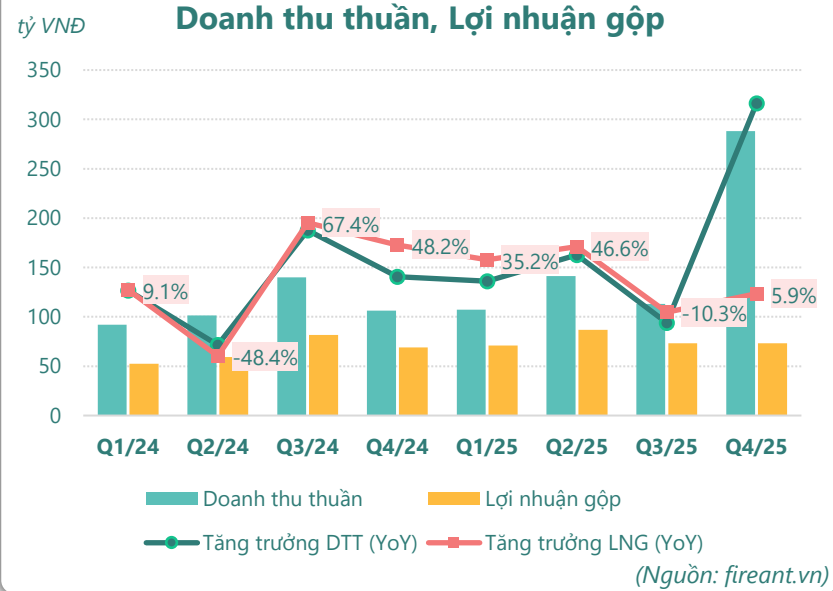
CTCP Sonadezi Giang Điền

Ngày 31/12/2025	37,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.2%	19.0%	10.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	30,800 - 43,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,031
Số lượng CPLH (CP)	54,898,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	315
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.16)
EPS	4,310
P/E	8.6



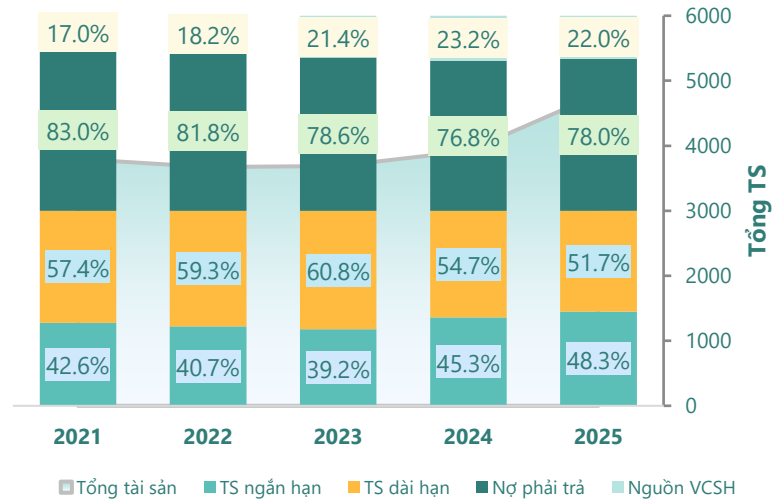
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

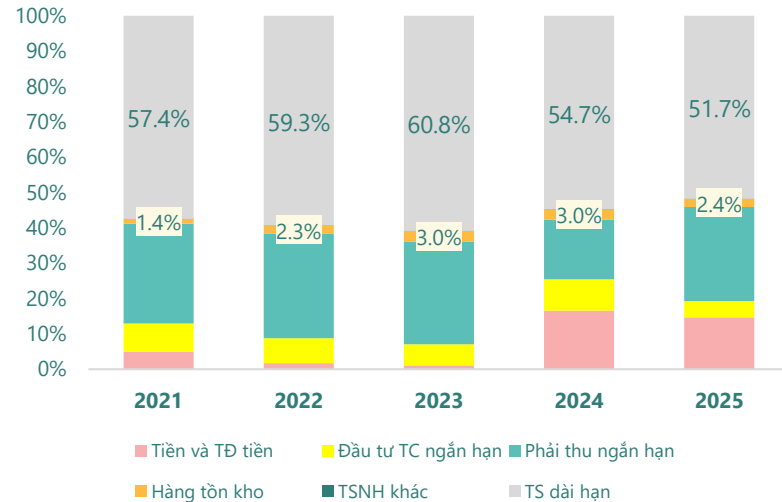
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

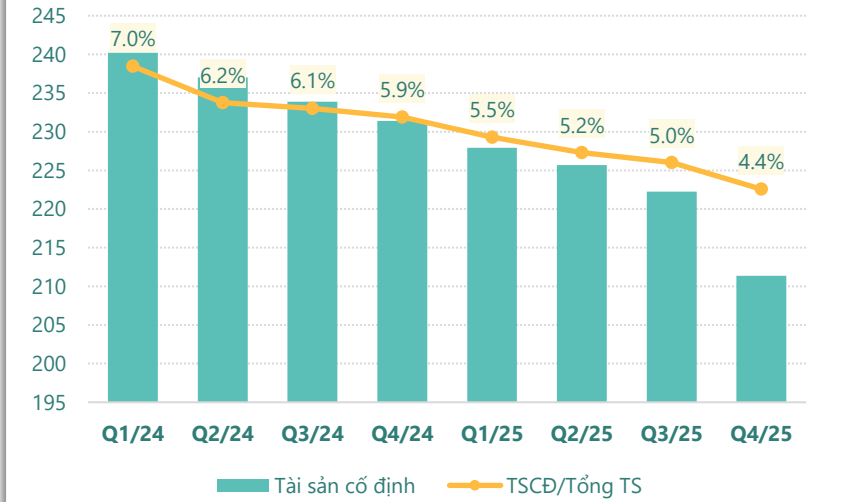
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

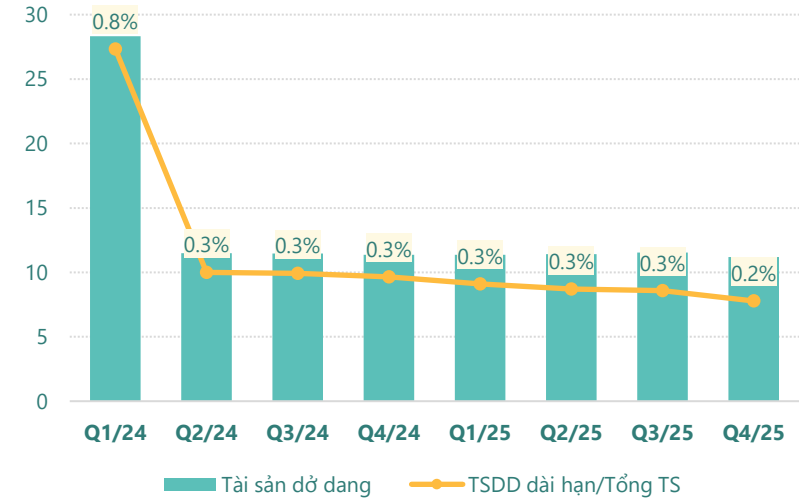
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

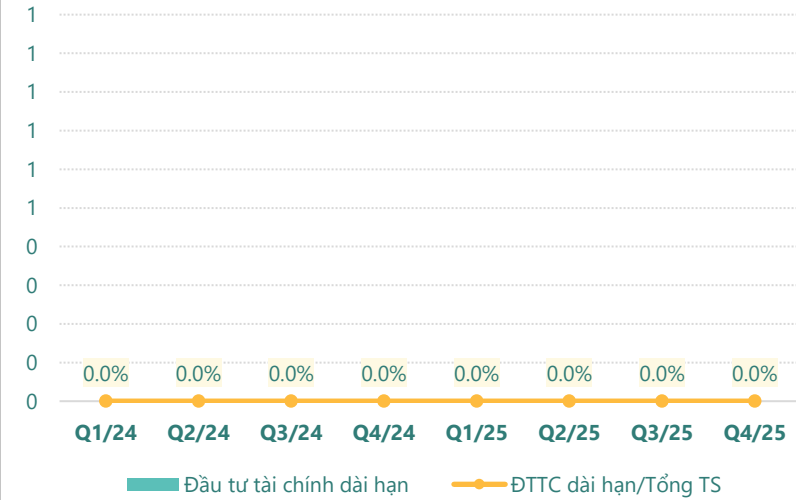
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

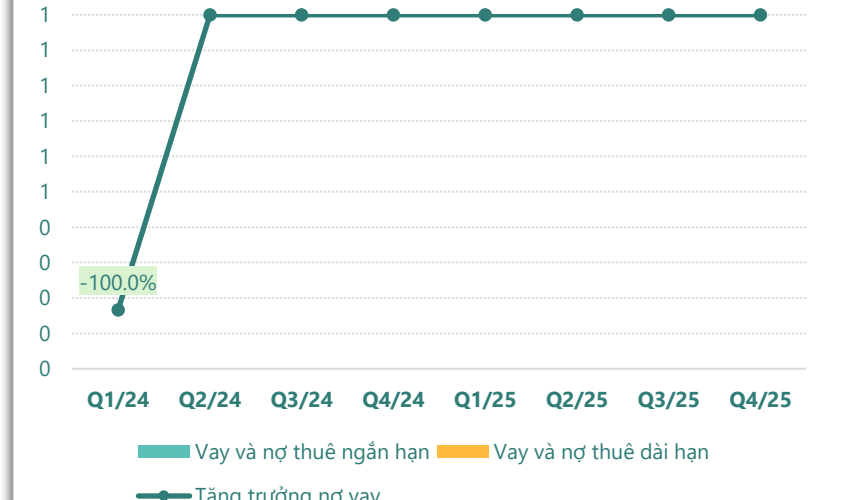
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

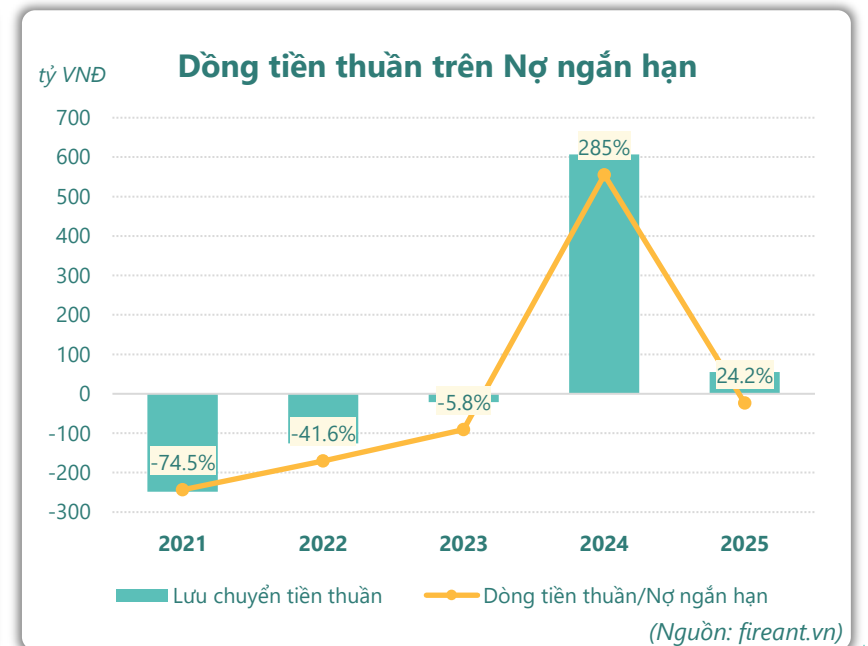
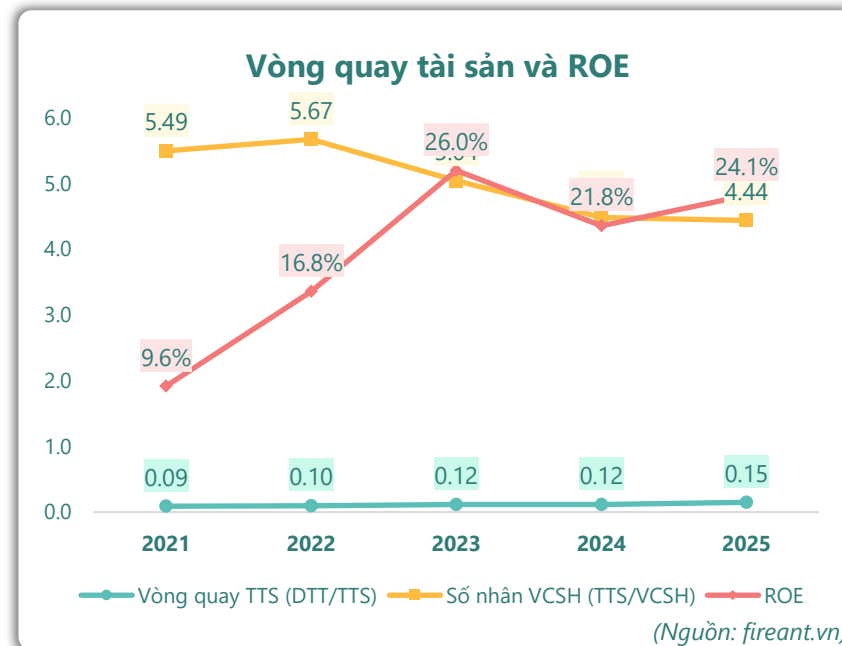
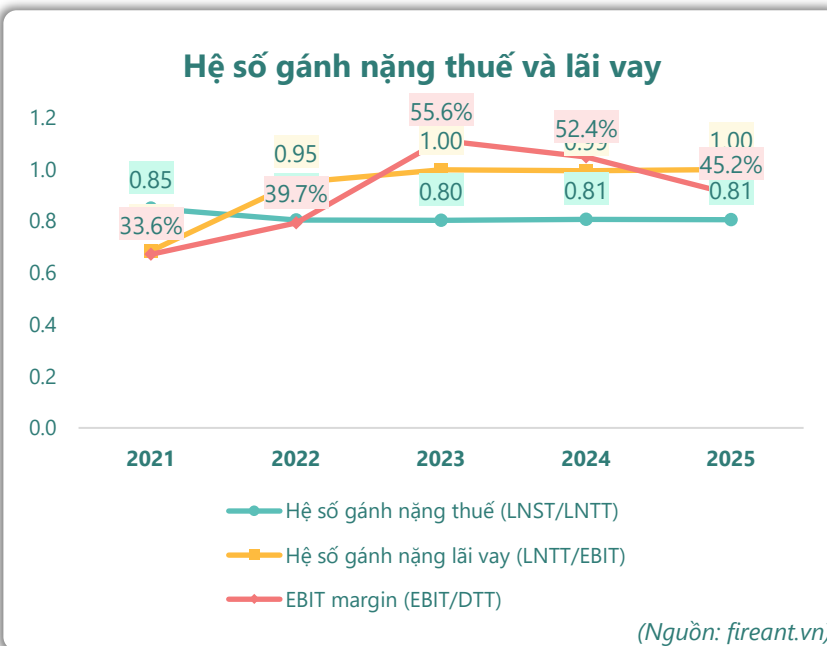
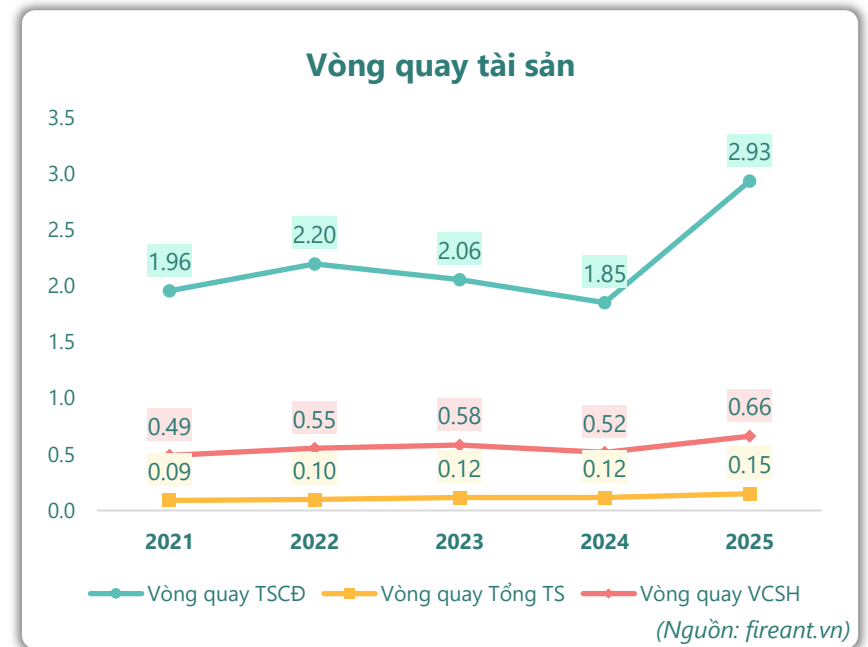
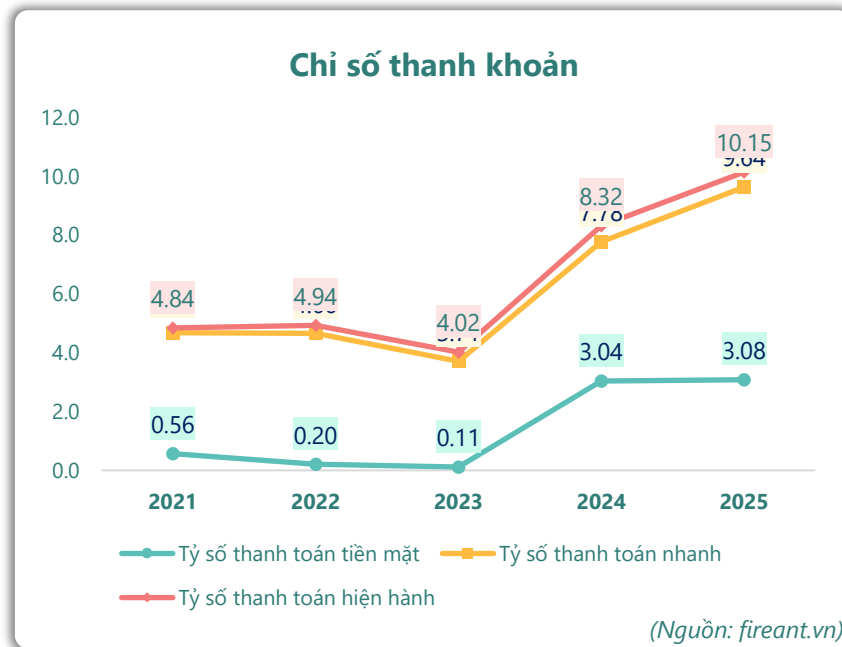
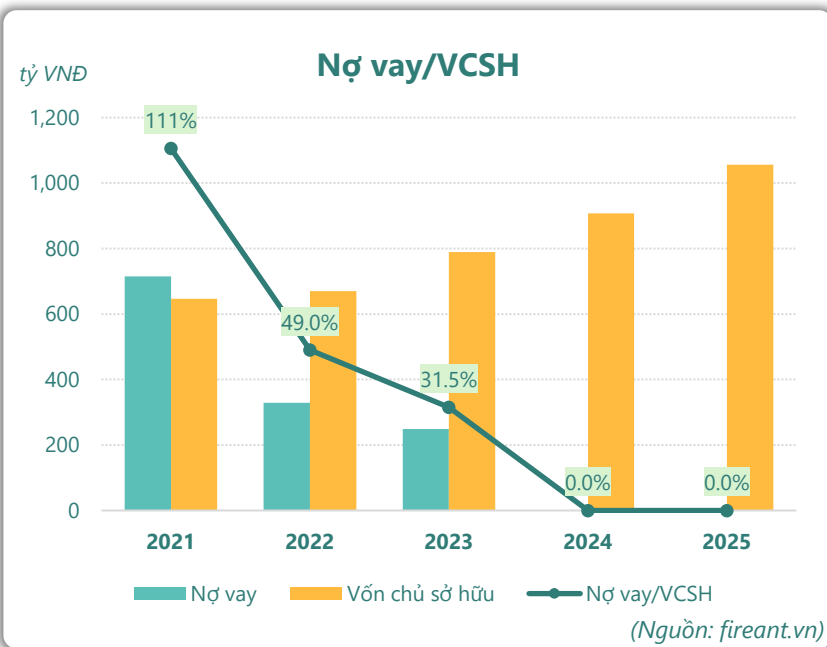
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	288	106	172%	650	440	47.7%
Giá vốn hàng bán	215	37.3	477%	345	177	94.8%
Lợi nhuận gộp	73.1	69.0	5.9%	304	262	15.9%
Doanh thu HĐTC	4.17	14.6	-71.4%	29.7	23.1	28.8%
Chi phí TC	0.03	0.04	-15.7%	0.14	0.67	-79.4%
Chi phí lãi vay	0.03	0.03	-14.9%	0.10	1.18	-91.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.77	0.76	0.9%	10.4	20.7	-50.0%
Chi phí QLDN	12.7	16.7	-24.2%	33.5	35.1	-4.4%
LN thuần từ HĐKD	63.8	66.1	-3.5%	290	229	26.6%
Lợi nhuận khác	0.08	-0.06	227%	4.01	0.15	2567%
LN trước thuế	63.9	66.0	-3.3%	294	229	28.2%
Lợi nhuận sau thuế	50.8	53.5	-5.1%	237	185	28.0%
LNST của CĐ cty mẹ	50.8	53.5	-5.1%	237	185	28.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-764	127	-378	334	-485	507
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1,056	-124	4.81	134	16.2	4.76
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-60.3	-0.08	0	-82.3	0	0
Tiền đầu kỳ	414	646	648	275	660	191
Lưu chuyển tiền thuần	232	2.69	-373	385	-469	512
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	646	648	275	660	191	704

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,793	3,919	22.3%
Tài sản ngắn hạn	2,315	1,774	30.5%
Tiền và tương đương tiền	704	648	8.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	219	349	-37.2%
Phải thu ngắn hạn	1,275	660	93.1%
Hàng tồn kho	116	116	0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.27	0.56	-50.9%
Tài sản dài hạn	2,479	2,145	15.6%
Phải thu dài hạn	618	0	
Tài sản cố định	211	231	-8.7%
Bất động sản đầu tư	972	1,228	-20.8%
Tài sản dở dang	11.2	11.4	-1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	666	674	-1.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,737	3,011	24.1%
Nợ ngắn hạn	228	213	7.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.11	10.7	-33.6%
Nợ dài hạn	3,509	2,798	25.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,056	908	16.3%
Vốn chủ sở hữu	1,056	908	16.3%
Vốn điều lệ	549	549	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

